

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung chi và
mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH CẦN GIẢI QUYẾT

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 21/3/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 26/2018/TT-BTC Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Thông tư số 26/2018/TT-BTC). Sau hơn 3 năm tổ chức thực hiện, công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh đã được triển khai đồng bộ và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

a) Đối với lĩnh vực y tế dự phòng: Các dịch bệnh xảy ra trên địa bàn tỉnh luôn được xử lý và khống chế kịp thời. Điều này đã làm giảm số ca mắc và tử vong hàng năm do các bệnh nguy hiểm gây ra.

b) Đối với lĩnh vực Dân số và Phát triển:

Sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh về chính sách dân số và phát triển tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, công tác dân số tại địa phương tiếp tục được triển khai đồng bộ, tạo sự chuyển biến quan trọng trong quá trình thực hiện chủ trương chuyển trọng tâm chính sách dân số từ KHHGĐ sang dân số và phát triển. Đặc biệt, công tác dân số đã được chủ động nguồn lực đầu tư, các hoạt động về dân số và phát triển của địa phương tiếp tục được duy trì và triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực quy mô, cơ cấu, nâng cao chất lượng dân số đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Từ năm 2021, chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của địa phương theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp. Tuy nhiên, Thông tư số 26/2018/TT-BTC đã hết hiệu lực; mặt khác, một số nhiệm vụ chưa có quy định về nội dung chi và mức chi cụ thể nên việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động Y tế - Dân số gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động công tác Y tế - Dân số của tỉnh.

Để tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và dân số, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng và thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu trong những năm tiếp theo, cần tiếp tục có những chủ trương, giải pháp, nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị trong lĩnh

vực y tế; đồng thời cần có chính sách, nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh đối với các hoạt động chuyên môn cụ thể.

Từ những vấn đề trên, việc xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể:

- Bảo đảm người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; giảm tỷ lệ mắc bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số.

- Phần đầu sớm đạt mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bổ dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Duy trì thành quả công tác Y tế - Dân số đã đạt được trong thời gian qua, phần đầu thực hiện thành công các mục tiêu về công tác Y tế - Dân số theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về phát triển hệ thống y tế, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở y tế công lập đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030.

- Quy định cụ thể nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo cân đối nguồn ngân sách tỉnh và dự toán được giao, góp phần đảm bảo chính sách an sinh xã hội, giữ vững tình hình an ninh - trật tự trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH:

Nội dung chính sách: Quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1. Xác định vấn đề bất cập

Trước đây, những nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 đã được quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BTC. Hiện nay, Thông tư số 26/2018/TT-BTC hết hiệu lực, làm nảy sinh một số vướng mắc và bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

Trong thời gian qua, việc tổ chức và triển khai thực hiện các hoạt động phục vụ công tác Y tế - Dân số đã gặp phải nhiều khó khăn, hạn chế. Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của địa phương theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp. Ngoài ra, nội dung chi và mức chi chưa có quy định cụ thể nên chính sách hỗ trợ cán bộ, nhân viên y tế, dân số tham gia không thực hiện được, ảnh hưởng đến toàn bộ công tác triển khai hoạt động chuyên môn và công tác phòng chống một số dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; sử dụng có hiệu quả nguồn lực nhà

nước đầu tư cho công tác Y tế - Dân số trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được giao cho ngành y tế.

- Giữ vững và phát huy những thành tích của hoạt động Y tế - Dân số đã đạt được trong thời gian qua. Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu chung trong kế hoạch chung của toàn tỉnh, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Để thực hiện có hiệu quả công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh, xây dựng các chính sách, giải pháp cụ thể như sau:

3.1. Chi hỗ trợ cán bộ, nhân viên y tế, dân số tham gia giám sát dịch tễ học, tiêm chủng; các bệnh, tật bẩm sinh; ung thư, tim mạch, đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt và các bệnh tật khác; an toàn thực phẩm; dinh dưỡng; phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng; sức khỏe sinh sản; các chương trình đề án về dân số và phát triển; mất cân bằng giới tính khi sinh; các điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý khi thực hiện nhiệm vụ tại các xã, phường, thị trấn không được hưởng chế độ công tác phí: 40.000 đồng/người/ngày.

3.2. Chi hỗ trợ cán bộ, nhân viên y tế tham gia khám, chữa bệnh lưu động tại cộng đồng (tỉnh, huyện, thành phố xuống xã, phường, thị trấn, thôn, khu phố; xã xuống thôn, khu dân cư) để khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch; bao gồm khắc phục hậu quả thiên tai và kết hợp quân dân y khi thực hiện nhiệm vụ tại các xã, phường, thị trấn không được hưởng chế độ công tác phí: tối đa 60.000 đồng/người/ngày.

3.3. Chi hoạt động phòng, chống Phong

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: tối đa 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: tối đa 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Chi hỗ trợ bệnh nhân thuộc hộ nghèo nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực (thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày): 50.000 đồng/người/ngày.

c) Chi hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán:

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 300.000 đồng/bệnh nhân;

Đối với các xã còn lại: tối đa 200.000 đồng/bệnh nhân.

3.4. Chi hoạt động phòng, chống Lao

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyên huyện:

Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/xã/tháng;

Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân Lao, Lao kháng đa thuốc, Lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế:

Tại xã, thôn đặc biệt khó khăn: tối đa 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; tối đa 150.000 đồng/bệnh nhân Lao tiềm ẩn/đợt điều trị; tối đa 200.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9-11 tháng; tối đa 400.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng;

Tại các vùng còn lại: tối đa 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; tối đa 100.000 đồng/bệnh nhân Lao tiềm ẩn/đợt điều trị; tối đa 150.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9-11 tháng; tối đa 300.000 đồng/bệnh nhân Lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

3.5. Chi hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

a) Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: tối đa 500.000 đồng/người/tháng;

b) Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (methadone): Hỗ trợ người thực hiện tư vấn tối đa 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định;

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: người thực hiện tư vấn tại các xã, phường, thị trấn không được hưởng chế độ công tác phí được hỗ trợ 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng;

d) Hỗ trợ mua thẻ Bảo hiểm y tế cho bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS chưa có bảo hiểm y tế và hỗ trợ đồng chi trả cho hoạt động điều trị HIV/AIDS.

3.6. Chi hoạt động phòng, chống bệnh Sốt rét và bệnh Sốt xuất huyết

a) Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét: tối đa 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng;

b) Chi hỗ trợ cho người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: tối đa 130.000 đồng/người/đêm;

c) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện xét nghiệm định loại vec tơ truyền bệnh Sốt rét, bệnh Sốt xuất huyết tại cộng đồng: 5.000 đồng/mẫu;

d) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

đ) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến

dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

3.7. Chi hoạt động Bảo vệ sức khỏe tâm thần

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi;

b) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân Tâm thần tại gia đình: tối đa 150.000 đồng/xã/tháng;

c) Hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: Khu vực đồng bằng và thành thị: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng; Khu vực miền núi, vùng cao, hải đảo: 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng (Tối đa 100.000 đồng/thôn, bản/tháng).

3.8. Chi hoạt động phòng, chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản tại cộng đồng: 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc tối đa 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

3.9. Chi hoạt động Tiêm chủng mở rộng

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình.

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin;

Đối với các xã còn lại: tối đa 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung.

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

Đối với các xã còn lại: tối đa 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

c) Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai.

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều;

Đối với các xã còn lại: tối đa 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

3.10. Chi hoạt động Dân số và phát triển

a) Chi tiền công biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 100.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên;

Hỗ trợ phát thanh viên: tối đa 100.000 đồng/người/ngày.

b) Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

c) Chi tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số - KHHGD trong phạm vi dự toán được giao:

Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): tối đa 40.000 đồng/người/ngày;

Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: tối đa 50.000 đồng/người/ngày;

Chi hỗ trợ cán bộ đội lưu động Y tế - Dân số tuyến tỉnh, huyện hỗ trợ cung cấp các gói dịch vụ dân số - KHHGD trong các ngày thực hiện dịch vụ tại các xã chiến dịch (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): tối đa 50.000 đồng/người/ngày.

d) Cấp miễn phí phương tiện tránh thai (PTTT) theo danh mục do Bộ Y tế ban hành: Đối tượng được cấp miễn phí PTTT: cấp cho mọi người dân có nhu cầu tại cả khu vực thành thị, nông thôn bao gồm các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên; định mức thực hiện theo giá đấu thầu hàng năm.

đ) Hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

Đối tượng được hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại các thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo; vùng nhiễm chất độc đioxin và chưa có thẻ BHYT.

Nội dung và mức chi của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: Hóa chất, giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao thực hiện xét nghiệm sàng lọc cho đối tượng miễn phí theo giá đấu thầu hàng năm; Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ Y tế quy định; Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập do cấp có thẩm quyền quy định tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

Chi phí lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: 7.000 đồng/mẫu;

Chi vận chuyển mẫu máu từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm sàng lọc theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành.

3.11. Chi hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

a) Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người/lần/năm;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

Đối với xã đặc biệt khó khăn: tối đa 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

Đối với các xã còn lại: tối đa 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

3.12. Chi hoạt động An toàn thực phẩm

a) Chi hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm (đối với vụ ngộ độc tập thể từ 20 người mắc trở lên);

b) Chi hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ hỗ trợ này): tối đa 100.000 đồng/người/ngày.

3.13. Chi giám sát hỗ trợ hoạt động phòng, chống đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: tối đa 20.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi tối đa: 5.000 đồng/mẫu;

c) Chi công xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt tối đa 2.000 đồng/mẫu;

d) Chi công khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát: tối đa 10.000đ/người được khám;

đ) Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: tối đa 10.000 đồng/người;

e) Chi điều tra, khảo sát, thống kê: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

3.14. Chi hỗ trợ phòng, chống ung thư, bệnh Tim mạch

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

3.15. Các nội dung thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và thanh quyết toán theo thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao theo kế hoạch, cụ thể:

a) Mua thuốc (bao gồm thuốc kháng lao cho bệnh nhân lao mới phát hiện chưa có thẻ bảo hiểm y tế, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế), vắc xin tiêm chủng mở rộng, vitamin A cho trẻ dưới 5 tuổi, thuốc kháng HIV (ARV), mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng, máy móc, thiết bị dùng cho hoạt động chuyên môn của công tác Y tế - Dân số (*không bao gồm các khoản chi đã được thanh toán từ Quỹ BHYT*);

b) Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án thuộc chương trình do cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Mua nhiên liệu, thuê dịch vụ lưu trữ, thuê địa điểm khám lưu động, tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có); tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực

phạm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Các hoạt động tập huấn, đào tạo ngắn hạn, hội nghị sơ kết, tổng kết và truyền thông giáo dục sức khỏe, thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc người bệnh, an toàn thực phẩm, dân số, kế hoạch hóa gia đình;

đ) Thuê đánh giá, đánh giá giám sát, đánh giá lại và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phòng xét nghiệm theo tiêu chuẩn Iso IEC 17025:2017.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.1 Tác động về kinh tế:

- Việc quy định cụ thể nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh được xây dựng theo tình hình thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật về chế độ, chính sách, Luật ngân sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương; bảo đảm tính khả thi khi triển khai áp dụng và không làm biến động cân đối ngân sách.

- Chính sách được ban hành sẽ làm căn cứ cho các cấp có thẩm quyền lập dự toán hàng năm, tạo sự ổn định cho các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước có cơ sở và chủ động xây dựng dự toán phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho công tác Y tế - Dân số, nâng cao công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác Y tế - Dân số tại địa phương.

4.2. Tác động về xã hội: Giải pháp này sẽ đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ cán bộ ngành y tế, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần; góp phần động viên, khích lệ, tạo động lực cho cán bộ, nhân viên y tế thực hiện tốt nhiệm vụ công tác và đóng góp nhiều hơn cho ngành y tế của tỉnh nhà.

4.3. Tác động về giới: Không có.

Chính sách không phân biệt về giới. Tất cả các cá nhân bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng chính sách trên cơ sở đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành.

4.4 Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

4.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc chi trả các nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính pháp quy của văn bản và các quy định của nhà nước.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Ban hành chính sách Quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Việc ban hành Nghị quyết này thật sự cần thiết, phù hợp với các quy định hiện hành, nhằm từng bước hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà

nước đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương; nâng cao sức khỏe nhân dân và phúc lợi xã hội. Tạo sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Đề trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh giao Sở Y tế xây dựng dự thảo Nghị quyết tỉnh, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách và lấy ý kiến của UBMTTQVN tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành, thị (2 lần). Đồng thời, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 17/3/2023 để các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến.

2. Ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân được thể hiện bằng văn bản. Sở Y tế là cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hiệu chỉnh dự thảo, hồ sơ để gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ:

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./ *Imu*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế, Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tư pháp, Tài chính;
- CVP, các PVP;
- Lưu: VT, KGVXD *m*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHU TỊCH



Võ Văn Hưng
Võ Văn Hưng